

MẪU TS2

Quảng Trị, Ngày 01 tháng 09 năm 2016

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
ĐỢT XÉT TUYỂN: TUYỂN SINH ĐỢT 2 PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN KẾT QUẢ THPT QUỐC GIA
NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON

STT	Số hồ sơ	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Mã tỉnh	Tên tỉnh	Mã quận huyện	Tên quận huyện	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm lệch	Tổng điểm chưa có UT	Điểm ưu tiên quy đổi	Tổng điểm có UT
1		DHK000677	HỒ THỊ DANG	03/03/1998	Nữ	197421278	1	01	32	Quảng Trị	09	Huyện Đakrông	TO	2.25	VA	5	NK1	6.13	N01		13.4	3.5	17
2		DHK001592	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	21/03/1998	Nữ	197392437	2NT		32	Quảng Trị	03	Huyện Vĩnh Linh	TO	3.5	VA	6.5	NK1	7.38	N01		17.4	1	18.5
3		DHK002148	NGUYỄN THÁI KHÁNH HOÀNG	12/02/1998	Nữ	197380875	2		32	Quảng Trị	01	Thành phố Đông Hà	TO	3.5	VA	3.75	NK1	8.13	N01		15.4	0.5	16
4		DHK002204	LÊ THỊ HỒNG	06/06/1998	Nữ	197400802	1		32	Quảng Trị	06	Huyện Triệu Phong	TO	4.5	VA	5.75	NK1	6.63	N01		16.9	1.5	18.5
5		DHK003703	ĐỖ THỊ HÀ MY	12/09/1998	Nữ	197411558	2NT		32	Quảng Trị	07	Huyện Hải Lăng	TO	6	VA	4.5	NK1	7.88	N01		18.4	1	19.5
6		DHK003933	TRẦN THỊ NGÂN	25/06/1998	Nữ	197401132	2NT		32	Quảng Trị	06	Huyện Triệu Phong	TO	4	VA	3.75	NK1	5.75	N01		13.5	1	14.5
7		DHK004145	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	26/02/1998	Nữ	197379209	1		32	Quảng Trị	04	Huyện Gio Linh	TO	2.25	VA	5	NK1	7	N01		14.3	1.5	15.8
8		DHK004323	HOÀNG THỊ HỒNG NHI	20/02/1998	Nữ	197377594	2NT		32	Quảng Trị	06	Huyện Triệu Phong	TO	2	VA	6	NK1	6.88	N01		14.9	1	16
9		DHK004363	NGUYỄN THỊ ÁI NHI	05/11/1998	Nữ	197365646	2NT		32	Quảng Trị	06	Huyện Triệu Phong	TO	2	VA	5	NK1	6.38	N01		13.4	1	14.5
10		DHK004537	NGUYỄN THỊ MỸ NHUNG	16/06/1998	Nữ	197403501	1		32	Quảng Trị	06	Huyện Triệu Phong	TO	4.5	VA	4.5	NK1	7.38	N01		16.4	1.5	18
11		DHK005812	PHAN THỊ THU THẢO	26/06/1998	Nữ	197430332	1		32	Quảng Trị	08	Huyện Hướng Hóa	TO	2.75	VA	3.25	NK1	6.75	N01		12.8	1.5	14.3

12		DHK006063	TRƯỜNG THỊ QUỲNH THƠ	09/03/1998	Nữ	197440637	2	06	32	Quảng Trị	02	Thị xã Quảng Trị	TO	1.25	VA	6	NK1	8.25	N01		15.5	1.5	17
13		DHK006556	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	07/10/1998	Nữ	197375792	1		32	Quảng Trị	03	Huyện Vĩnh Linh	TO	2.25	VA	4	NK1	6.88	N01		13.1	1.5	14.8

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký tên, đóng dấu)

MẪU TS2

Quảng Trị, Ngày 01 tháng 09 năm 2016

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
ĐỢT XÉT TUYỂN: TUYỂN SINH ĐỢT 2 PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN KẾT QUẢ THPT QUỐC GIA
NGÀNH: GIÁO DỤC TIỂU HỌC

STT	Số hồ sơ	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Mã tỉnh	Tên tỉnh	Mã quận huyện	Tên quận huyện	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm lệch	Tổng điểm chưa có UT	Điểm ưu tiên quy đổi	Tổng điểm có UT
1		DHK000265	MAI THỊ KIM ÁNH	04/10/1998	Nữ	197352442	2NT		32	Quảng Trị	05	Huyện Cam Lộ	TO	4.25	VA	5.75	DI	6	C04	0	16	1	17
2		DHK002257	LÊ THỊ HUỆ	10/10/1998	Nữ	197376812	1		32	Quảng Trị	08	Huyện Hướng Hóa	TO	2.5	VA	5.5	DI	6.25	C04	0	14.3	1.5	15.8
3		DHK002405	TRẦN QUANG HUY	10/09/1998	Nam	197421211	1		32	Quảng Trị	09	Huyện Đakrông	TO	2.5	VA	4.75	SU	5	C03	0	12.3	1.5	13.8
4		DHK002860	HỒ THỊ MỸ KIỀU	03/05/1997	Nữ	197367963	1		32	Quảng Trị	08	Huyện Hướng Hóa	TO	2.25	VA	5.5	DI	6.25	C04	0	14	1.5	15.5
5		DHK003494	HOÀNG THỊ LỰU	26/07/1998	Nữ	197400511	1		32	Quảng Trị	06	Huyện Triệu Phong	TO	2	VA	4.25	DI	4.75	C04	0	11	1.5	12.5
6		DHK004972	NGUYỄN TRẦN HÀ PHƯƠNG	28/11/1998	Nữ	197360601	1		32	Quảng Trị	09	Huyện Đakrông	TO	2.25	VA	5.25	DI	6.5	C04	0	14	1.5	15.5
7		DHK005224	LÊ DIỄM QUỲNH	12/11/1998	Nữ	197352945	2NT		32	Quảng Trị	05	Huyện Cam Lộ	TO	3.25	VA	5.75	DI	6.75	C04	0	15.8	1	16.8
8		DHK005259	PHAN THỊ NHƯ QUỲNH	20/07/1998	Nữ	197430149	1		32	Quảng Trị	08	Huyện Hướng Hóa	TO	4.25	VA	4.5	N1	1.88	D01		10.6	1.5	12.3
9		DHK006249	NGUYỄN THỊ THUYỀN	18/03/1998	Nữ	197376645	1		32	Quảng Trị	08	Huyện Hướng Hóa	TO	3.25	VA	4.25	SI	3.8	B03	0	11.3	1.5	12.8

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký tên, đóng dấu)

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
ĐỢT XÉT TUYỂN: TUYỂN SINH ĐỢT 2 PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN KẾT QUẢ THPT QUỐC GIA
NGÀNH: SƯ PHẠM TOÁN HỌC

STT	Số hồ sơ	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV ƯT	ĐT ƯT	Mã tỉnh	Tên tỉnh	Mã quận huyện	Tên quận huyện	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm lệch	Tổng điểm chưa có ƯT	Điểm ưu tiên quy đổi	Tổng điểm có ƯT
1		DHK004594	LÊ HỒNG NHƯ	20/06/1998	Nữ	197376662	1		32	Quảng Trị	08	Huyện Hương Hóa	TO	3.25	VA	4.5	N1	3.63	D01	0	11.4	1.5	13

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký tên, đóng dấu)

Quảng Trị, Ngày 01 tháng 09 năm 2016

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
ĐỢT XÉT TUYỂN: TUYỂN SINH ĐỢT 2 PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN KẾT QUẢ THPT QUỐC GIA
NGÀNH: SƯ PHẠM VẬT LÝ

STT	Số hồ sơ	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Mã tỉnh	Tên tỉnh	Mã quận huyện	Tên quận huyện	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm lệch	Tổng điểm chưa có UT	Điểm ưu tiên quy đổi	Tổng điểm có UT
1		DHK005832	TRẦN THỊ THẢO	04/09/1998	Nữ	197347726	2		32	Quảng Trị	01	Thành phố Đông Hà	VA	4	LI	4	N1	2.75	D11	0	10.8	0.5	11.3
2		DHK006347	TRẦN THỊ THANH THƯƠNG	02/12/1997	Nữ	197380849	2		32	Quảng Trị	01	Thành phố Đông Hà	TO	2.25	LI	4	HO	4.8	A00		11.1	0.5	11.5

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký tên, đóng dấu)

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
ĐỢT XÉT TUYỂN: TUYỂN SINH ĐỢT 2 PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN KẾT QUẢ THPT QUỐC GIA
NGÀNH: SƯ PHẠM HÓA HỌC

STT	Số hồ sơ	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV ƯT	ĐT ƯT	Mã tỉnh	Tên tỉnh	Mã quận huyện	Tên quận huyện	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm lệch	Tổng điểm chưa có ƯT	Điểm ưu tiên quy đổi	Tổng điểm có ƯT
1		DHK000566	HỒ VĂN CHƯƠNG	16/09/1995	Nam	197315232	1	01	32	Quảng Trị	09	Huyện Đakrông	TO	1.75	LI	4.4	HO	4.8	A00		11	3.5	14.5

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký tên, đóng dấu)

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
ĐỢT XÉT TUYỂN: TUYỂN SINH ĐỢT 2 PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN KẾT QUẢ THPT QUỐC GIA
NGÀNH: QUẢN TRỊ VĂN PHÒNG

STT	Số hồ sơ	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV ƯT	ĐT ƯT	Mã tỉnh	Tên tỉnh	Mã quận huyện	Tên quận huyện	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã THM	Điểm lệch	Tổng điểm chưa có ƯT	Điểm ưu tiên quy đổi	Tổng điểm có ƯT
1		DHK002970	TRẦN THỊ NHƯ LÀNH	22/05/1998	Nữ	197377603	2		32	Quảng Trị	06	Huyện Triệu Phong	VA	5	SU	3	DI	6.75	C00		14.8	0.5	15.3

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký tên, đóng dấu)